

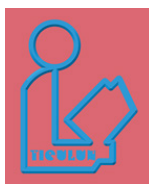
NGUYỄN QUỐC BẢO

Hồ Chí Minh và khúc xạ của lịch sử

phần 2

Hồ Chí Minh và khúc xạ của lịch sử (phần 2)

Nguyễn Quốc Bảo



Paris * 10-2025

Bìa : *Ban Tuyển đọc TVTL*
Nguồn : *Tạp chí Thế Kỷ Mới*

**Hồ Chí Minh
và khúc xạ
của lịch sử**

Nguyễn Quốc bảo

9. Mộng quan trường của Nguyễn Tất Thành – Một góc nhìn từ sử liệu

Khi đọc lại lá thư Nguyễn Tất Thành gửi Tổng thống Cộng hòa Pháp năm 1911 và công văn hồi đáp của Bộ Thuộc địa, ta thấy một sự thật ít được nhắc tới trong diễn ngôn chính thống, chàng thanh niên xứ Nghệ ấy không sang Pháp chỉ vì lý tưởng cứu nước đã định hình trọn vẹn, mà còn mang theo một ước mơ rất cụ thể – ước mơ về quan trường thuộc địa.

Trong thư, Thành xưng mình là “con của Nguyễn Sinh Huy, Phó bảng”, nhấn mạnh gốc gác trí thức Nho học và bày tỏ mong muốn được nhận vào École

Coloniale với lý do “góp phần khai hóa cho đồng bào” và “làm vinh dự cho nước Pháp”. Đó không phải là lời của một nhà cách mạng đã chọn đường đấu tranh lật đổ chế độ thuộc địa, mà là lời của một thanh niên đang tìm kiếm một cơ hội tiến thân qua hệ thống của chính quyền đô hộ. Sự thành khẩn của Thành – “tôi hoàn toàn không có tài sản”, “mong được hữu ích cho nước Pháp” – phản ánh một tâm thế khá phổ biến trong giới sĩ tử An Nam đầu thế kỷ XX, thay vì trực tiếp chống lại đế quốc, nhiều người tìm cách gia nhập nó để có vị thế và hy vọng cải cách từ bên trong.

Công văn trả lời của Bộ Thuộc địa từ chối đơn xin nhập học, và chính sự từ chối ấy đã chặn lại con đường quan trường mà Nguyễn Tất Thành đã nhắm tới. Từ đây, con đường đời của ông rẽ

sang hướng khác. Chàng trai ấy tiếp tục lang bạt, làm bồi tàu, làm thuê, đến Paris rồi Luân Đôn, hòa mình vào phong trào công nhân và dần bước vào quỹ đạo của Quốc tế Cộng sản. Nhìn lại, có thể thấy chủ nghĩa yêu nước và lý tưởng cộng sản của Hồ Chí Minh không phải là một định mệnh đã an bài ngay từ thuở thiếu thời, mà nhiều phần là kết quả của những cơ hội và biến cố – un concours de circonstances (sự kết hợp của các hoàn cảnh) – sau khi lối tiến thân chính thống thuộc địa bị khép lại.

Giả sử vào năm 1911, Nguyễn Tất Thành được nhận vào École Coloniale, lịch sử Việt Nam có lẽ đã khác. Thành có thể trở thành một công chức trung thành của chính quyền bảo hộ, giống như một số trí thức Ấn Độ phục vụ đế quốc Anh nhưng đồng thời thúc đẩy cải

cách dần dần. Con đường ấy, nếu diễn ra, có thể dẫn đến một tiến trình độc lập giống Ấn Độ hơn – từng bước, trong khuôn khổ cải cách thuộc địa – thay vì một cuộc cách mạng cộng sản mang tính toàn diện.

Điều này không phủ nhận lòng yêu nước về sau của Hồ Chí Minh, mà đặt nó trong sự phức tạp của lịch sử và lựa chọn cá nhân. Người thanh niên ấy đã tìm kiếm một vị trí trong trật tự hiện hữu trước khi trở thành biểu tượng lật đổ trật tự đó. Nói cách khác, lòng yêu nước và con đường cộng sản của Hồ Chí Minh có thể vừa là lý tưởng, vừa là hệ quả của những cánh cửa đã đóng sập trước mặt ông.

Nhìn dưới góc độ này, Hồ Chí Minh không còn chỉ là bậc thánh bất biến, cũng không chỉ là “cộng sản chuyên

chính” ngay từ thuở ban đầu. Ông là một con người lịch sử, chịu tác động của thời cuộc, thất bại, và cả những toan tính rất đời thường. Sự kiện lá thư 1911 và công văn từ chối không làm giảm tầm vóc của ông sau này, mà giúp ta hiểu rõ hơn rằng lịch sử được dệt nên từ những khúc rẽ bất ngờ – và rằng cả những nhà cách mạng vĩ đại cũng từng gõ cửa quan trường trước khi đi tìm một con đường khác cho dân tộc mình.

Xin nhắc đến khả năng có những bức thư Nguyễn Tất Thành gửi chị gái hay người thân trong giai đoạn này. Những thư ấy, nếu tồn tại hoặc được dẫn lại trong các nghiên cứu, thường chỉ ra rằng Thành chưa hề xác quyết con đường cách mạng cộng sản ngay từ đầu. Đó là một minh chứng nữa cho luận điểm: chủ nghĩa yêu nước và sự nghiệp

cách mạng của Hồ Chí Minh là kết quả của hoàn cảnh lịch sử, chứ không phải con đường duy nhất ông từng hình dung khi bước chân lên tàu Amiral Latouche Tréville.

Trong sử liệu, việc Nguyễn Tất Thành từ Anh viết thư cho Phan Chu Trinh ở Pháp là một tình tiết có thật, được ghi lại trong nhiều công trình nghiên cứu. Tuy nhiên, lá thư ấy mang tính chất cầu nối và tìm kiếm cơ hội nhiều hơn là một bước ngoặt chính trị ngay lập tức.

Trong bối cảnh giai đoạn 1911–1913, Nguyễn Tất Thành lang bạt ở châu Âu, từng làm phụ bếp trên tàu Amiral Latouche-Tréville, rồi làm thuê ở Anh tại khách sạn Carlton, London. Lúc ấy, Phan Chu Trinh đang ở Pháp sau vụ Thất thủ Kinh đô (1908), nổi tiếng với chủ trương cải lương ôn hòa, ông không dùng bạo

lực cách mạng mà vận động chính quyền Pháp cải cách giáo dục, chính trị để khai hóa dân An Nam. Nguyễn Tất Thành đã viết thư từ Anh gửi Phan Chu Trinh, nhờ ông giới thiệu hoặc giúp đỡ để tìm một hướng đi. Đây được xem là bước Thành tìm đến một mạng lưới trí thức yêu nước đã có uy tín tại Pháp.

Về hậu quả trực tiếp, Phan Chu Trinh không theo cộng sản và kiên định với đường lối khai hóa trong khuôn khổ bảo hộ của Pháp. Lá thư của Thành không dẫn đến một hợp tác lâu dài giữa hai người. Nhưng nó chứng tỏ rằng, vào giai đoạn đầu, Thành chưa hẳn đã xác quyết theo chủ nghĩa cộng sản, mà đang tìm kiếm nhiều khả năng — kể cả cải lương ôn hòa, quan trường thuộc địa hay những con đường khác. Một số nhà nghiên cứu, như Sophie Quinn-Judge

trong Ho Chi Minh: The Missing Years, xem đây là dấu hiệu Thành muốn tìm một opportunity” – một cơ hội khác ngoài khung quan trường, sau khi con đường École Coloniale đã bị chặn lại.

Về ý nghĩa dài hạn, việc liên lạc với Phan Chu Trinh không biến Nguyễn Tất Thành thành một nhà cải lương ôn hòa. Sau đó, Thành dần rời xa đường lối của Phan, tiếp cận phong trào công nhân và Quốc tế Cộng sản. Sự kiện này cho thấy Hồ Chí Minh không từ đầu đã là cộng sản kiên định; ông từng thử tìm chỗ đứng trong nhiều mạng lưới chính trị khác nhau. Đây là minh chứng cho sự linh hoạt và thực dụng của ông, đồng thời phản ánh yếu tố concours de circonstances – sự hội tụ của hoàn cảnh – trong việc ông trở thành nhà cách mạng cộng sản.

Kết luận, lá thư gửi Phan Chu Trinh không tạo ra một “hậu quả” chính trị lớn ngay thời điểm ấy, nhưng nó soi sáng một giai đoạn chuyển tiếp quan trọng, Nguyễn Tất Thành thử mọi hướng để tìm lối đi cho mình và cho dân tộc. Khi không thể dựa vào con đường quan trường hay cải lương ôn hòa, và sau khi quan sát phong trào công nhân – thuộc địa ở Pháp, ông mới chuyển hẳn sang chủ nghĩa cộng sản. Điều này nhấn mạnh rằng hành trình cách mạng của Hồ Chí Minh không phải là một đường thẳng duy nhất, mà là kết quả của nhiều ngã rẽ, tìm kiếm và cả những cơ hội bị bỏ lỡ.

Theo tuyên truyền và tài liệu chính thống của nhà nước Việt Nam, thường có nhắc đến một bức thư mà Nguyễn Tất Thành được cho là đã gửi lại cho gia đình ở Nghệ An trước khi rời Sài Gòn, lên

tàu Amiral Latouche-Tréville vào tháng 6 năm 1911. Trong các sách giáo khoa, bảo tàng và ấn phẩm tuyên truyền, lá thư này được dẫn lại như lời bày tỏ quyết tâm ra đi tìm đường cứu nước, khẳng định lòng hy sinh và lý tưởng cách mạng của Thành ngay từ buổi đầu.

Tuy nhiên, giới sử học quốc tế và một số nhà nghiên cứu độc lập cho rằng chưa có chứng cứ rõ ràng bên ngoài hệ thống chính trị Việt Nam để xác minh lá thư này. Bản gốc của bức thư chưa từng được công bố rộng rãi hoặc lưu trữ trong các kho lưu trữ có thể kiểm chứng độc lập. Những gì ta biết đến nay chủ yếu dựa vào các bản trích dẫn hay diễn giải do nhà nước công bố.

Các nghiên cứu của William J. Duiker, Sophie Quinn-Judge và những sử gia khác cũng không tìm thấy tài liệu

thuộc địa hay bằng chứng bên ngoài nào xác nhận nội dung cụ thể của lá thư. Khi đặt sự kiện này cạnh những hành động khác của Nguyễn Tất Thành trong cùng thời kỳ — như việc xin vào École Coloniale, liên hệ với Phan Chu Trinh, và tìm kiếm cơ hội việc làm tại Pháp — bức tranh toàn cảnh cho thấy động cơ của ông năm 1911 có thể phức tạp hơn là một lý tưởng cách mạng đã định hình hoàn toàn.

Vì vậy, câu chuyện về “bức thư kiên quyết cứu nước” nên được hiểu như một phần của huyền thoại chính trị do nhà nước Hà Nội xây dựng để củng cố biểu tượng Hồ Chí Minh. Nó phản ánh cách Hồ Chí Minh đã được trình bày như một lãnh tụ kiên định từ đầu, nhưng không phải là một chứng cứ lịch sử đã qua thẩm định khoa học độc lập.

Các Tài liệu trích dẫn là của ANOM (Archives nationales d'outre-mer) à Aix-en-Provence

Marseille le 15 Septembre 1911

Monsieur le Président de la République,

J'ai l'honneur de solliciter de votre haute bienveillance la faveur d'être admis comme élève interne de l'École Coloniale.

Je suis actuellement employé à la Compagnie des Chargeurs Réunis à La-touche-Tréville pour moi subsistance.

Je suis entièrement dénué de ressources et animé du désir ardent de contribuer plus tard à la civilisation de mes compatriotes et, par la suite, à l'honneur de la France.

Je suis originaire de la province de
Nghê-An en Annam.

En attendant votre réponse que j'espère favorable, agréez, Monsieur le Président, l'assurance de ma reconnaissance anticipée.

Nguyen Tat Thanh, né à Vinh, en
1892, fils de Mr. Nguyễn Sinh Huy sujet
de l'Empereur d'Annam étudiant annamite
Quai N° 9, Marseille



Marsouille le 15 Septembre 1911



Monsieur le Président de la République.

Je l'honneur de solliciter de votre haute bienveillance la faveur d'être admis à suivre les cours de l'Ecole Coloniale comme interne.

Je suis actuellement employé à la Compagnie des Chargeurs Réunis (Amiral Latouche Tréville) pour ma subsistance.

Je suis entièrement dénué de ressources et arde de m'instruire. Je désirerais devenir utile à la France vis à vis de mes compatriotes et pouvoir en même temps les faire profiter des bienfaits de l'Instruction.

Je suis originaire de la province de Nghe-an, en Annam.

En attendant votre réponse que j'espère favorable, agréer, Monsieur le Président, l'assurance de ma reconnaissance anticipée.

Nguyen-tat-Chanh,
né à Vinh, en 1892, fils
de M. Nguyen-minh-Huy
(sous-docteur es-lettres)
étudiant français
qualifié par ses
caractères chinois.



A. N.
Pour copie conforme à
l'original conservé à
la Section Outre-Mer. - 2 FEV. 1913

Le Conservateur au Chat
de l'Imprimerie Nationale

210/100

Thưa Ngài Tổng thống Cộng hòa,

Tôi xin trân trọng khẩn cầu Ngài với lòng nhân từ cao cả, vui lòng cho phép tôi được nhận vào học nội trú tại Trường Thuộc địa.

Hiện nay, tôi đang làm việc cho Công ty Chargeurs Réunis trên tàu La-touche-Tréville để tự lo sinh kế.

Tôi hoàn toàn không có nguồn tài chính nào và mang trong mình khát vọng mãnh liệt được góp phần, sau này, vào việc khai sáng cho đồng bào của tôi và, qua đó, đem lại vinh dự cho nước Pháp.

Tôi xuất thân từ tỉnh Nghệ An ở An Nam.

Trong khi chờ đợi hồi đáp thuận lợi của Ngài, xin Ngài Tổng thống vui lòng

nhận nơi đây lòng biết ơn sâu sắc của tôi.

Công văn lưu trữ ANOM (Archives Nationales d’Outre-Mer) ở Aix-en-Provence

Thơ của Nguyễn Tất Thành có lỗi chính tả và vụng về. Trong bức thư năm 1911, Nguyễn Tất Thành tự giới thiệu mình là “fils de M. Nguyen Sinh Huy, sujet de l’Empereur d’Annam” Con trai của Ông Nguyễn Sinh Huy, vì vào thời điểm đó cha ông – Nguyễn Sinh Huy – chính là tên thật của cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc.

Ở Việt Nam thời phong kiến và thuộc địa, người có học hay quan lại thường có tên húy (tên thật), tên tự, hoặc các cách gọi khác nhau. Cụ Nguyễn Sinh Sắc có tên húy là Nguyễn Sinh Huy (trong

nhiều tài liệu cũ của Pháp và triều đình Huế). “Sắc” là tên được dùng phổ biến về sau khi ông đã đỗ Phó bảng và ra làm quan, nhưng trong hồ sơ hoặc cách ghi chép chính thức bằng tiếng Pháp đầu thế kỷ XX, “Nguyễn Sinh Huy” vẫn thường được dùng.

Vì vậy, khi viết thư cho Tổng thống Pháp, Nguyễn Tất Thành đã ghi theo cách mà giới hành chính và giáo hội Công giáo Pháp quen thuộc: Nguyễn Sinh Huy chứ không phải “Nguyễn Sinh Sắc”. Đây không phải sai sót, mà là cách ghi đúng theo hồ sơ hành chính và thói quen gọi tên của thời kỳ đó.

Trên đây là bản sao rất mờ của một công văn hành chính tiếng Pháp từ thời thuộc địa. Tôi chỉ nhận diện được vài phần, tiêu đề có RÉPUBLIQUE FRANÇAISE và nhắc tới École Colo-

niale, có dấu và chữ ký xác nhận đã nhận được hoặc xử lý đơn xin nhập học của Nguyen Tat Thanh.

Tuy nhiên, do độ phân giải thấp, dựa trên những gì có thể nhìn thấy từ bức ảnh mờ, đây là bản phục dựng khái quát, không phải nguyên văn đầy đủ, của công văn:

RÉPUBLIQUE FRANÇAISE –
Ministère des Colonies – École Colo-
niale Paris, le ... octobre 1911

Le Président du Conseil d'État, Prés-
ident du Conseil d'Administration de
l'École Coloniale, à Monsieur le Minis-
tre des Colonies (Service du Personnel
et de la Discipline)

Objet : Demande de M. NGUYEN
TAT THANH

Par dépêche en date du ... septembre 1911, M. NGUYEN TAT THANH, actuellement employé aux Messageries Maritimes/Chargeurs Réunis, sollicite son admission à l'École Coloniale comme élève interne.

Après examen de son dossier et des conditions d'admission en vigueur, il est décidé que la demande ne peut être prise en considération (ou sera transmise au service compétent). Il convient de l'informer que, conformément au règlement de l'École, seuls les candidats ... [phần này mờ, có thể nói về conditions de nationalité ou diplômes requis].

Fait à Paris, le ... 1911

[Signature et cachet officiels]

Phần đầu xác nhận đây là thư hành

chính của Bộ Thuộc địa Ministère des Colonies, liên quan đến École Coloniale. Nội dung cốt lõi: Thư hồi đáp yêu cầu nhập học của Nguyễn Tất Thành, ghi rõ ông đang làm việc cho Chargeurs Réunis và đã gửi đơn ngày 15/9/1911. Phần kết: Thông báo rằng đơn xin nhập học không được chấp nhận hoặc phải tuân thủ các điều kiện tuyển sinh. Một số câu và chữ bị mờ không thể phục dựng chính xác, nhưng ý chính vẫn là thông báo quyết định hoặc hướng xử lý đơn.

Tôi bổ sung một vài điểm để làm rõ hơn bức tranh lịch sử và cách diễn giải:

Thứ nhất, việc nhiều tư liệu chính thống nhắc đến “bức thư kiên quyết cứu nước” phản ánh nhu cầu xây dựng huyền thoại chính trị của chính quyền Hà Nội trong thế kỷ XX. Việc tạo dựng một câu chuyện thống nhất về Hồ Chí Minh như

một nhà cách mạng đã có lý tưởng sớm giúp củng cố tính chính danh của chế độ sau 1945. Tuy nhiên, trong sử học hiện đại, người ta ngày càng nhấn mạnh tầm quan trọng của việc đối chiếu nguồn tư liệu độc lập, đặc biệt khi bản gốc chưa được công bố công khai.

Thứ hai, nên xem động cơ của Nguyễn Tất Thành ở giai đoạn 1911–1913 chỉ thuần túy là cơ hội chính trị hay mưu cầu cá nhân. Trong bối cảnh thuộc địa, nhiều thanh niên Việt Nam tìm đủ cách để vươn ra thế giới, tiếp cận tri thức mới, và mong góp phần thay đổi đất nước. Ước mơ “tìm đường cứu nước” có thể đã nhen nhóm đâu đó, như những ước mơ của thế hệ trẻ đầu thế kỷ 20, dù chưa định hình rõ ràng thành một đường lối cách mạng cụ thể.

Thứ ba, sự kiện này cũng gợi ra một vấn đề lớn hơn: lịch sử Việt Nam cận đại nhiều khi được kể lại qua lăng kính tuyên truyền hoặc qua ký ức tập thể, thay vì dựa trên bằng chứng khoa học. Việc khuyến khích tiếp cận rộng rãi tài liệu lưu trữ, cho phép sử gia độc lập nghiên cứu, và đối chiếu nhiều nguồn tư liệu sẽ giúp lịch sử được nhìn nhận phong phú và khách quan hơn. Ở đây ta tìm lại cái cơ cấu Hà Nội từ chối làm ADN Hồ Chí Minh.

Như vậy, khi nhắc đến bức thư được cho là của Nguyễn Tất Thành gửi gia đình trước khi ra đi, điều cần nhấn mạnh không phải là phủ nhận hay khẳng định tuyệt đối, mà là kêu gọi tiếp tục tìm kiếm, kiểm chứng và đặt nó trong toàn cảnh phức tạp của thời đại. Điều đó vừa tôn trọng sự thật lịch sử, vừa giúp hiểu

rõ hơn con đường hình thành một nhân vật đã trở thành biểu tượng của thế kỷ XX.

Thật đáng tiếc, khi những thông tin chưa có chứng cứ lịch sử rõ ràng được đưa vào sách giáo khoa như sự thật hiển nhiên, điều đó đã góp phần làm trật đường tư duy của thế hệ mới — và đây là điều cần được thảo luận và phê phán một cách rộng rãi.



Chân dung Hồ Chí Minh,
khoảng năm 1946.

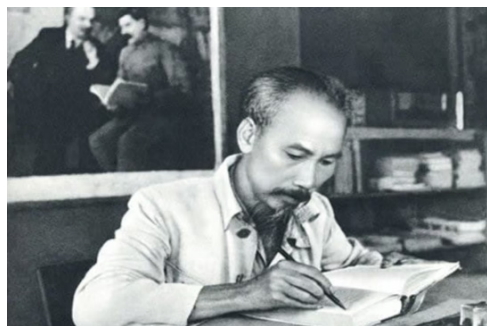
10. Phụ Chú

Xin chép lại như một tin tức, đọc cho biết. Đây là phiên bản chính thống namdan.gov.vn

Tại sao Nguyễn Sinh Cung lấy họ Hồ ?

Thứ ba – 06/04/2010 05:21

Website namdan.gov.vn của huyện Nam Đàn (Nghệ An) mới đăng một tài liệu về cụ Hồ, có tựa đề là “Những giai thoại về Hồ Chí Minh”. Thật ra, những giai thoại này không mới, vì đã được Giáo sư Trần Quốc Vượng viết trong cuốn “Trong cũi”, xuất bản ở California cũng gần 10 năm trước đây. Sử gia Trần Quốc Vượng viết cuốn này trong thời gian ông đi làm nghiên cứu hay thỉnh giảng ở Mỹ. Tôi vẫn còn một bản của cuốn sách này.



Hồ Chí Minh trong phòng làm việc
tại căn cứ Việt Bắc. Ảnh: TL

Đọc qua bài này tôi có thể tóm tắt gia phả của cụ Hồ như sau: cố nhiên, ai cũng biết ông tên là Nguyễn Sinh Cung (hay tên gốc là Nguyễn Sinh Côn), con của ông Nguyễn Sinh Sắc và bà Hoàng Thị Loan. Nhưng tại sao cụ lấy họ Hồ ?

Theo như bài này, thì ông cụ không phải thuộc dòng họ Nguyễn Sinh, mà là họ Hồ. Ông cử Hồ Sĩ Tạo lấy bà Hà Thị Hy, nhưng vì cuộc hôn nhân không chính thức (do ông Tạo đã có vợ con

rồi), nên gia đình họ Hà điều đình cho bà Hà Thị Hy trong lúc mang thai về làm vợ kế cho ông Nguyễn Sinh Nhậm (một nông dân cũng đã có vợ). Khi bà Hà Thị Hy hạ sinh con trai thì đặt tên là Nguyễn Sinh Sắc.

Ít lâu sau, bà Hà Thị Hy qua đời, Nguyễn Sinh Sắc về ở với gia đình ông Nguyễn Sinh Thuyết (là con ruột của ông Nguyễn Sinh Nhậm), nhưng phải sống rất khổ cực với gia đình này. Sau này, Nguyễn Sinh Sắc lập gia đình cùng bà Hoàng Thị Loan, và hai người có 3 người con: Nguyễn Thị Thanh, Nguyễn Sinh Khiêm, và Nguyễn Sinh Côn (hay Nguyễn Sinh Cung).

Cứ theo câu chuyện dân gian này thì Nguyễn Sinh Côn là cháu ruột của ông Hồ Sĩ Tạo. Có lẽ chính vì thế mà sau này Nguyễn Tất Thành (hay Nguyễn Sinh

Cung trước kia) lấy họ Hồ cho đến ngày ông qua đời. Câu chuyện là như thế, và tôi vẽ lại gia phả của ông cụ.

Sau đây là bài báo trên website của huyện Nam Đàn:

Những giai thoại về Hồ Chí Minh –
Trần Quốc Vượng

“... câu chuyện tôi sắp kể dưới đây thì chưa từng ai viết. Chỉ là lời truyền miệng dân gian ...phạm vi lan truyền và số người biết câu chuyện này phải nói là hạn hẹp. Vì người ta sợ....

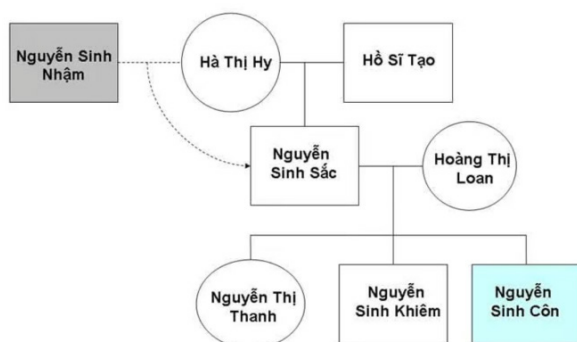
... Đến đây tôi sẽ khép (lại) bài kể lẽ đã khá dài dòng của mình bằng câu chuyện một người tuy có tên tuổi nhưng không lấy gì làm nổi tiếng lắm, hay đúng hơn cả là đã trở nên có tên tuổi nhờ gần bó máu thịt với một người có tên tuổi

(nhưng từ đầu đến cuối câu chuyện của tôi đều nói về các nhà Nho, các vị thái học sinh, tiến sĩ, bảng nhãn hay là phó bảng cả).

Đó là câu chuyện về cụ thân sinh ra Chủ tịch Hồ Chí Minh, cụ phó bảng Nguyễn Sinh Sắc hay Nguyễn Sinh Huy.

Phó bảng là một học vị dưới tiến sĩ, chỉ mới xuất hiện ở Việt Nam từ đời vua Minh Mạng nhà Nguyễn (1830-31).

Trong một lá đơn bằng tiếng Pháp gửi Bộ Thuộc địa Pháp, Nguyễn Tất Thành (sau là Hồ Chí Minh) đã khéo dịch tên học vị của phụ thân mình là *sous docteur* [1] như ngày nay ta gọi là phó tiến sĩ.



Nguyễn Sinh Côn, hay Nguyễn Sinh Cung chính là Nguyễn Tất Thành, hay Nguyễn Ái Quốc, hay Hồ Chí Minh sau này.

Quê hương cụ, là làng Kim Liên, tên Nôm là làng Sen huyện Nam Đàn tỉnh Nghệ An. Nhưng đậu phó bảng rồi cụ đã làm Thừa biện Bộ Lễ ở Huế rồi Tri huyện Bình Khê (Bình Định). Rồi bỏ quan (hay bị mất chức quan), cụ phiêu dạt về Sài Gòn, ngồi bắt mạch kê đơn ở tiệm thuốc bắc Hoa kiều, để có chút cơm rượu... Lại phiêu lãng nữa, tới miền Tây

Nam bộ, và cuối cùng mất ở Cao Lãnh (Sa Đéc, nay thuộc tỉnh Đồng Tháp). Mộ cụ phó bảng được xây lại cuối năm 1954 sau sự kiện Genève tạm thời chia đôi đất nước Việt Nam.

Người ta làm như thế vì cụ Hồ. Cũng như mộ bà Hoàng Thị Loan vợ cụ phó bảng và là thân mẫu Hồ Chí Minh mới được dời xây lại vài năm nay ở Nam Đàn, Nghệ An. Người ta làm thế cũng vì cụ Hồ. Hai ngôi mộ này, cũng như bản thân Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh giữa lòng Ba Đình, Hà Nội, đều hiện hữu ngoài ý thức của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Ông Hồ vốn được xem là người giản dị, khiêm nhường...

Cũng đã có dăm cuốn sách nói về gia thế cụ Hồ Chí Minh, nhưng câu chuyện tôi sắp kể dưới đây thì chưa từng ai viết.

Chỉ là lời truyền miệng dân gian, ở Kim Liên, Nam Đàn, ở một số người gốc Nghệ hiện sống tại Hà Nội và nhiều nơi khác trên mảnh đất Việt Nam. Nếu trong Folklore (văn hóa dân gian), có hiện tượng mà các nhà nghiên cứu gọi là lan truyền thì từ lâu câu chuyện này cũng đã lan truyền từ làng Kim Liên ra khắp huyện Nam Đàn rồi khắp tỉnh Nghệ An rồi rộng ra hơn nữa ... Nhưng phạm vi lan truyền và số người biết câu chuyện này phải nói là hạn hẹp. Vì người ta Sợ.

Sợ động chạm đến cụ Hồ. Một cái sợ vô nghĩa nhưng người ta cứ gán cho nó cái ý nghĩa chính trị giả tạo. Vì như bà Trịnh Khắc Niệm viết trong cuốn truyện bằng tiếng Anh *Life and Death in Shanghai*, đã được dịch ra tiếng Việt: Ở xã hội xã hội chủ nghĩa, cuộc đời của các lãnh tụ cộng sản được coi là “bí mật quốc gia”.

Nhưng đây không phải là chuyện cụ Hồ, tuy cũng có dính dáng đến cụ Hồ. Mà vì đây là chuyện cụ thân sinh ra cụ Hồ, cụ Nguyễn Sinh Huy, mà cũng là chuyện truyền miệng thôi, nghĩa là thuộc phạm trù giai thoại, Folklore, chứ không thuộc phạm trù lịch sử, như tôi đã nói từ đầu bài này.

Người dân Kim Liên đồn rằng Nguyễn Sinh Huy không phải là thuộc dòng máu mủ của dòng họ Nguyễn Sinh làng này. Mà là con của một người khác: ông đồ nho, cử nhân Hồ Sĩ Tạo.

Cử nhân Hồ Sĩ Tạo thuộc dòng họ Hồ nổi tiếng ở làng Quỳnh Đôi, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An (đây là quê gốc của Hồ Quý Ly, nhân vật lịch sử cuối thế kỷ XIV đầu thế kỷ XV, đây cũng là quê gốc của anh em Tây Sơn thế kỷ XVIII, vốn họ Hồ ở xứ Nghệ, đây cũng

là quê hương Hoàng Văn Hoan, người đồng chí thân cận một thời của cụ Hồ Chí Minh, được cụ Hồ giao phụ trách công tác đối ngoại của Đảng Cộng sản Việt Nam và chính phủ Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa thời kháng chiến chống Pháp và là Đại sứ Việt Nam đầu tiên ở Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa, hiện sống lưu vong ở Trung Hoa, có viết một tài liệu về lịch sử làng Quỳnh Đôi, quê ông. Bà vợ nhà văn lớn Đặng Thai Mai, người một thời làm Bộ trưởng Giáo dục trong chính phủ của cụ Hồ 45-46 rồi làm Viện trưởng Viện trưởng Viện Văn học, là Hồ Thị Loan, cũng thuộc dòng họ Hồ này ở làng Quỳnh Đôi). Khoảng đầu những năm 60 của thế kỷ trước (thế kỷ XIX) cử nhân Hồ Sĩ Tạo có thời gian ngồi dạy học ở một nhà họ Hà, người làng Sài, cùng một xã Chung Cự, tổng Lâm Thịnh, huyện Nam Đàn, với làng

Sen (Kim Liên). Đó là một nhà nghệ nhân dân gian, trong nhà có “phường hát ả đào”.

Nhà họ Hà có cô con gái tên là Hà Thị Hy, tài hoa, nhan sắc, đàn ngọt, hát hay, múa khéo, đặc biệt là múa đèn (đội đèn trên đầu, để đèn trên hai cánh tay, vừa hát vừa múa mà dầu trong đĩa không sánh ra ngoài) nên người làng thường gọi là cô Đèn. Người ta thường bảo: má hồng thì mệnh bạc. Như Đặng Trần Côn viết mở đầu khúc ngâm chinh phụ: “Hong nhan đa truân” (Gái má hồng nhiều nỗi truân chuyên). Hay như Nguyễn Du than thở giùm người đẹp tài hoa trong truyện Kiều: “Chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau”, “Rằng hồng nhan tự thuở xưa, Cái điều bạc mệnh có chừa ai đâu”).

Và ở thời ấy, dưới chế độ quân chủ nho giáo, lấy tứ dân (Sĩ, Nông, Công, Thương) làm gốc, người ta vẫn xem thường nghề ca xướng và con nhà ca xướng (“xướng ca vô loài”).

Cô Đền, Hà Thị Hy tài hoa nhan sắc là thế mà rồi ba mươi tuổi vẫn chưa lấy được chồng. Mà trong nhà thì lại luôn có bậc văn nhân: ông cử Hồ Sĩ Tạo. “Lửa gần rơm lâu ngày cũng bén” là lẽ thường theo tâm lý dân gian, huống chi là giữa văn nhân – tài tử – giai nhân. “Trai tài gái sắc” mà! Và cô Hà Thị Hy bỗng dưng “không chồng mà chửa”. Mà ông cử Tạo thì đã có vợ, có con rồi! Lệ làng ngày trước phạt vạ rất nặng nề, sỉ nhục hạng gái “chửa hoang”, hạng “gian phu dâm phụ”. Để tránh nỗi nhục cho con gái mình và cho cả ông cử Tạo đang làm “thầy đồ” được hết sức kính trọng trong

nhà mình, họ Hà phải bù đầu suy tính...

Lúc bấy giờ ở làng Sen cùng xã có ông Nguyễn Sinh Nhậm, dân cày, tuổi cao mà góa vợ (bà vợ trước đã có một con trai là Nguyễn Sinh Thuyết, và người con trai này cũng đã có vợ).

Nhà họ Hà bèn cho gọi ông Nguyễn Sinh Nhậm đến điều đình, “cho không” cô Hy làm vợ kế ông này, như một người con gái xướng ca, quá lứa, lỡ thì, lấy ông già góa vợ, mong ém nhém việc cô gái đã “to bụng”.

Công việc rồi cũng xong. Cô Hy ôm bụng về nhà chồng, có cưới có cheo cẩn thận. Việc phạt vạ của làng không thể xảy ra. Nhưng cô gái tài hoa nhan sắc thì bao đêm khóc thầm vì bẽ bàng, hờn duyên tử phận. Và ông lão nông dốt nát tuy được không cô gái đẹp nhưng cũng

buồn vì dâu có đẹp đôi, lại cần rằng chịu đựng cái tiếng ăn “của thừa”, “người ăn ốc (ông cử Tạo), kẻ đổ vỏ (cụ lão nông Nhậm)”. “Miệng tiếng thế gian xì xầm”, ai mà bịt miệng nổi dân làng. Mà trước hết là lời “nói ra, nói vào”, lời chì chiết của nàng dâu vợ anh Thuyết, vốn nổi tiếng ngoa ngoắt, lắm điều. Ông Nhậm đành cho con trai và vợ anh ta ra ở riêng, và mình ở riêng với bà vợ kế.

Chỉ ít tháng sau, bà vợ kế này đã sinh nở một mụn con trai, được ông đặt tên là Nguyễn Sinh Sắc, lấy họ ông mặc dù ông biết rõ hơn ai hết đó không phải là con ông, con nhà họ Nguyễn Sinh này. Nàng dâu ông càng “tiếng bắc, tiếng chì” hơn trước, vì ngoài việc bố chồng “rước của tội, của nợ”, “lấy đi làm vợ” thì nay còn nỗi lo: Người con trai này – được ông nhận làm con, lớn lên sẽ được quyền

chia xẻ cái gia tài vốn cũng chẳng nhiều nhận gì của một gia đình nông phu thôn dã. Việc ấy xảy ra vào năm Quý Hợi, đời vua Tự Đức thứ 16 (1863).

Vì trọng tuổi, lại vì lo phiền, vài năm sau cụ Nhậm qua đời và cũng chỉ ít lâu sau đó, bà Hy cũng mất. Nguyễn Sinh Sắc trở thành đứa trẻ mồ côi. Lên bốn, về ở với người anh gọi là “cùng cha khác mẹ” mà thật ra là “khác cả cha lẫn mẹ”, cùng với bà chị dâu ngoa ngoắt, khó tính, lúc nào cũng chỉ muốn tống cổ cái thằng “em hờ” của chồng này đi cho “rảnh nợ”.

Không cần nói, ta cũng hiểu Nguyễn Sinh Sắc khổ tâm về tinh thần, khổ cực về vật chất như thế nào trong cái cảnh nhà Nguyễn Sinh như vậy. Ta cảm thấy vô cùng thương xót một đứa trẻ mồ côi sớm chịu cảnh ngang trái của cuộc đời. Bên ngoài thì ông bà đều đã mất, họ Hà

chẳng còn ai chịu cưu mang đứa trẻ có số kiếp hẩm hiu này.

May có ông tú đồ nho Hoàng Xuân Đường, người làng Chùa (Hoàng Trù) gần đó, xót thương đứa trẻ, dù sao cũng là hòn máu rơi của một nhà nho khác, lại có vẻ sáng dạ, nên đã đón về làm con nuôi, cho ăn học. Và đến khi Nguyễn Sinh Sắc 18 tuổi, ông bà đồ họ Hoàng lại gả cho cô con gái đầu lòng, Hoàng Thị Loan, mới 13 tuổi đầu, cho làm vợ, lại làm cho căn nhà tranh ba gian ở ngay làng Chùa, để vợ chồng Nguyễn Sinh Sắc ăn ở riêng.

Ta dễ hiểu vì sao Nguyễn Sinh Sắc gắn bó với họ hàng làng quê bên vợ, làng Chùa, hơn là với làng Sơn “quê nội”, quê cha “hò”. Con cái ông, từ người con gái đầu Nguyễn Thị Thanh, qua người con trai đầu Nguyễn Sinh Khiêm (tục

gọi là ông cả Đạt) đến người con trai thứ Nguyễn Sinh Côn (hay Nguyễn Tất Thành, sau này là Nguyễn Ái Quốc rồi Hồ Chí Minh) đều được sinh ra và bước đầu lớn lên ở làng Chùa bên quê mẹ hay là quê ngoại. Khi cụ Tú Hoàng (Hoàng Xuân Đường) mất, vợ chồng con cái Nguyễn Sinh Sắc lại về ăn ở chung với bà đồ Hoàng. Các cháu đều quần quít quanh bà ngoại.

Qua giỗ đầu cụ Tú Hoàng, Nguyễn Sinh Sắc đi thi Hương khoa Giáp Ngọ và đậu cử nhân (1894). Ông được nhận ruộng “học điền”, ruộng công của làng Chùa chia cho những người có học (nhằm khuyến khích việc học) để học thêm – chứ không phải nhận ruộng học của làng Sen. Khoa thi Hội Ất Mùi (1895), ông thi trượt.

Nhờ sự vận động gửi gắm của ông Hồ Sĩ Tạo, người cha thực của Nguyễn Sinh Sắc, với các quan lại đồng liêu quen biết ở triều đình Huế, Nguyễn Sinh Sắc được coi như ấm sinh, để được nhận vào học Quốc Tử Giám ở kinh đô. (Ai cũng biết: để được nhận vào học Quốc Tử Giám và làm giám sinh phải là con cháu của những gia đình có thế lực, gọi là “danh gia tử đệ”. Nếu không có sự can thiệp của ông Hồ Sĩ Tạo là bậc khoa bảng cao quan thì làm sao Nguyễn Sinh Sắc được nhận? Thế là dù sao Hồ Sĩ Tạo vẫn còn có một “cử chỉ đẹp” với đứa con mà mình không dám nhận). Nguyễn Sinh Sắc, đổi tên là Nguyễn Sinh Huy, đem vợ và hai con trai vào Huế và đi học Quốc Tử Giám. Khoa thi Hội Mậu Tuất (1898), ông lại trượt.

Ngày 22 tháng Chạp năm Canh Tý (10-2-1901) bà Hoàng Thị Loan ốm mất ở kinh đô Huế, sau khi sinh đứa con trai út (đứa con trai này ít ngày sau cũng chết). Nguyễn Sinh Côn (Nguyễn Tất Thành – Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh ngày sau) trở thành con trai út.

Nguyễn Sinh Huy đem hai con trai về làng Chùa gửi mẹ vợ nuôi nấng chăm sóc giùm rồi trở vào Kinh thi Hội. Khoa Tân Sửu (1901) này, ông đậu phó bảng và được “vinh quy bái tổ” về làng. Theo thể thức triều đình, lễ vinh quy này phải diễn ra ở quê nội, dù là quê nội danh nghĩa, tức là làng Sen – Kim Liên. Hội đồng hương lý và dân xã đã dựng nhà tranh năm gian (chứ không phải nhà ngói) trên một khoảnh đất vườn làng Sen, để đón quan phó bảng tân khoa Nguyễn Sinh Huy về làng.

Thế là buộc lòng ông phải về “quê nội”. Ông cũng đón hai con trai về ở cùng ông. Lần đầu tiên Nguyễn Sinh Côn (Hồ Chí Minh ngày sau) về ở quê nội nhưng thân ông, lòng ông vẫn hướng về quê ngoại là cái gì “đích thực” và gắn bó với tuổi thơ ông. Ông phó bảng có đến thăm cụ Hồ Sĩ Tạo.

Nhưng gia đình ông phó bảng cùng hai con trai cũng không ở lâu tại Kim Liên. Chưa đầy ba năm! Sau khi mẹ vợ mất, ông vào kinh đô nhận chức quan (1904) ở Bộ Lễ, đem theo hai con trai vô Huế học. Năm 1907, ông bị đổi đi Tri huyện Bình Khê ... Rồi sau khi bỏ quan (hay mất quan), khoảng 1910, ông phiêu bạt vô Sài Gòn rồi Lục tỉnh Nam Kỳ. Không bao giờ ông về làng Sen trở lại nữa...

Ở làng Sen sau này, chỉ có bà Thanh

và ông Cả Đạt (Khiêm), cả hai đều không lập gia đình riêng.

Người ta bảo lúc sau, khi cụ Hồ Sĩ Tào đã qua đời, năm nào bà Thanh cũng qua Quỳnh Đôi góp giỗ cụ Hồ Sĩ Tào. Thế nghĩa là cái “bí mật” về cội nguồn của cụ phó bảng Huy, trong số các con cụ, ít nhất có bà con gái đầu biết. Người ta bảo: ông Cả Đạt cũng biết, tuy không bao giờ ông sang Quỳnh Đôi nhận họ.

Còn Nguyễn Sinh Côn – Nguyễn Tất Thành – có biết không? Từ khoảng 11 đến 14 tuổi, ông ở làng Sen, có nhẽ nào không ai nói cho ông biết? Hay là trước đó nữa, khi ông ở làng Chùa quê ngoại gần gần làng Sen! Hay là sau đó nữa chả lẽ không khi nào cụ phó bảng Huy hay bà Thanh hay ông Cả Đạt lại không kể với ông về “bí mật” của gốc tích thân phụ mình?

Không có chứng cứ gì về việc ông Nguyễn Tất Thành – Nguyễn Ái Quốc – biết hay không biết chuyện này... Sau này, khi hoạt động cách mạng, ông còn mang nhiều tên khác nữa. Nhưng đến đầu thập kỷ 40 của thế kỷ này, thì người ta thấy ông mang tên Hồ Chí Minh.

Sau Cách mạng tháng Tám 1945, khi tên tuổi Hồ Chí Minh trở thành công khai thì cũng bắt đầu từ đó dân gian Việt Nam, từ trí thức đến người dân quê, lại âm thầm bàn tán: vì sao Nguyễn Ái Quốc lại đổi tên là Hồ Chí Minh? Và tên này cụ giữ mãi cho tới khi “về với Các Mác, Lê-nin” năm 1969.

Cuộc đời thực của Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh – còn quá nhiều dấu hỏi chứ phải đâu riêng gì một cái tên! Và biết làm sao được khi cụ Hồ, tôi nói lại một lần nữa theo cảm thức của người Ấn Độ,

đã trở thành “huyền thoại”. Huyền thoại Hồ Chí Minh được hình thành trong vô thức dân gian mà Carl Gustav Jung gọi là vô thức tập thể. Nhưng nó cũng có phần được hình thành một cách hữu thức, bởi một số cán bộ gần gũi cụ Hồ. Nghĩa là một phần cuộc đời cụ Hồ đã được huyền thoại hóa.

Ngay sau Cách mạng tháng Tám, người ta còn in cả cuốn sách (mỏng thôi) về sấm Trạng Trình có những câu vận vào cụ Hồ và sự nghiệp Cách mạng tháng Tám. Và sấm Trạng Trình vẫn được vận vào cụ Hồ còn lâu về sau nữa, ở miền Nam Việt Nam và hiện nay ở một số người Việt lưu vong, dù là với hậu ý không ưa gì cụ Hồ... Nhưng đó lại không phải là chủ đề của bài viết này.

Trở lại với cái tên Hồ Chí Minh, lời truyền miệng dân gian bảo rằng: Nguyễn

Ái Quốc sau cùng đã lấy lại họ Hồ vì cụ biết ông nội đích thực của mình là cụ Hồ Sĩ Tạo, chứ không phải cụ Nguyễn Sinh Nhậm.

Và dân làng Sen cũng bảo: Thì cứ xem, lần đầu tiên về thăm quê hương, sau cách mạng, sau mấy chục năm xa quê (15-6-1957), từ thị xã Vinh, tỉnh lỵ Nghệ An, cụ Hồ đã về làng Chùa trước, rồi sau mới sang làng Sen “quê nội”! [3]

Riêng tôi nghĩ, thì cũng phải thôi. Vì như ở trên ta đã thấy, cả một thời thơ ấu của cụ Hồ là gắn bó với quê ngoại làng Chùa, nơi cụ sinh ra và bước đầu lớn lên. Chứ đâu phải làng Sen, là nơi cụ chỉ ở có vài năm, lại là khi đã bắt đầu khôn lớn?

Tôi không muốn có bất cứ kết luận “khoa học” gì về bài viết này. Vì nó không phải là một luận văn khoa học.

Đây chỉ là việc ghi lại một số lời truyền miệng dân gian về nỗi bất hạnh hay là cái khổ tâm, hay là cái “mặc cảm” của một số nhà trí thức Nho gia từ đầu thế kỷ XIV (Trương Hán Siêu, Chu Văn An) đến đầu thế kỷ XX (Nguyễn Sinh Huy) đối với làng quê.

Còn viết lách, thì bao giờ chẳng là chuyện: “Thư bất tận ngôn, ngôn bất tận ý”. (Viết không [bao giờ] hết lời nói, Lời nói không [bao giờ] hết ý!).

(trích: Trong cũi. Nxb Trăm Hoa, California, 1993, tr. 252-259)

Nguồn: <http://www.namdan.gov.vn>

Tôi tác giả tiểu luận muốn nói:

Những luận điểm trong tiểu luận này đặt lại câu hỏi về những vùng rất ít người khai phá trong sử học Việt Nam.

Trước hết, việc dùng ẩn dụ lượng tử để mô tả quá trình cách mạng của Nguyễn Tất Thành là một cách nhìn sáng tạo, hầu như chưa thấy xuất hiện trong các nghiên cứu trước đây. Cách tiếp cận này cho phép hình dung Thành không phải như một đường thẳng cách mạng đã định sẵn, mà như một hàm sóng lịch sử chồng chập và vương vীu, nơi nhiều khả năng cùng tồn tại—từ quan trường thuộc địa, cải lương ôn hòa, đến phong trào công nhân và Quốc tế Cộng sản—và chỉ khi “đo” bởi những biến cố cụ thể, kết quả Hồ Chí Minh mới hiện ra.

Thứ hai, sự liên kết giữa cơ hội chính trị (opportunism) của Thành, thơ Nguyễn Du (fantasme), và cách dân gian Việt Nam nhìn lịch sử qua câu ca dao “Được làm vua, thua làm giặc” là một góc nhìn độc đáo. Nó đặt tiến trình cá

nhân của Thành cảnh truyền thống văn hóa và tâm thức tập thể: trong Truyện Kiều, Nguyễn Du cũng từng chuyển hướng phục vụ nhà Nguyễn sau biến động triều đại; còn trong ca dao, lịch sử được nhìn như trò may rủi của quyền lực. Những so sánh này nhấn mạnh rằng các lựa chọn chính trị của cá nhân không tồn tại biệt lập, mà phản ánh cả vô thức tập thể lẫn điều kiện lịch sử.

Thứ ba, tiểu luận gợi mở sự so sánh giữa hiện tại và quá khứ, đặt vấn đề về quan hệ Việt–Trung, những nhượng bộ lãnh thổ như Bản Dốc hay sự im lặng trước Trường Sa, như một chu kỳ lặp lại của mô thức “công rắn cắn gà nhà” trong lịch sử Việt Nam. Đây là một kết nối hiếm thấy trong các tiểu luận Việt Nam, vì nó đòi hỏi dám đặt câu hỏi về sự lặp lại của lịch sử mà không biến nó

thành tuyên bố chính trị cảm tính.

Để đảm bảo giá trị khoa học và tránh biến thành suy diễn, cần tuân thủ bốn nguyên tắc:

Tách bạch phân tích lịch sử và bình luận hiện tại: Khi nhắc đến Việt-Trung hay Trường Sa, phải nêu rõ đây là phép so sánh hoặc liên tưởng, không phải khẳng định Hồ Chí Minh chắc chắn hành động theo một âm mưu.

Đặt câu hỏi, không khẳng định tuyệt đối: Câu hỏi “Liệu lịch sử có lặp lại?” đóng vai trò như một phép thử địa-chính trị chứ không phải cáo buộc. Ví dụ:

“Lịch sử Việt Nam từng nhiều lần ghi nhận những khoảnh khắc mà các lựa chọn chính trị—vì sinh tồn hoặc vì

cơ hội—bị hậu thế coi là ‘cồng rắn cắn gà nhà’. Nhìn lại hành trình phi tuyến tính của Nguyễn Tất Thành và mối quan hệ phức tạp Việt–Trung hiện nay, người nghiên cứu buộc phải đặt câu hỏi: liệu có một sự lặp lại của mô thức lịch sử ấy? Câu hỏi này không phải lời kết tội, mà là một phép thử địa–chính trị: quá khứ, hiện tại và lựa chọn của một dân tộc có đang vướng víu trong cùng một trường lực quyền lực khu vực hay không?”

Dẫn chứng cụ thể từ các sử gia quốc tế: Duiker, Brocheux và Quinn-Judge đều nhấn mạnh tính thực dụng của Thành—rằng ông đã thử nhiều con đường trước khi gắn bó với Quốc tế Cộng sản. Điều này chứng minh rằng quan điểm phê phán của tiểu luận không “ngoài lề”, mà nằm trong truyền thống học thuật quốc tế.

Nhấn mạnh phương pháp khoa học: Lịch sử phải dựa trên nguồn tư liệu, phân tích đối chiếu, và tính biện chứng. Kết nối ba nguyên tắc này với các bình luận địa-chính trị giúp tiểu luận tránh bị coi là cảm tính.

Bằng cách này, tiểu luận không chỉ khai phá những chủ đề ít được bàn tới, mà còn đặt chúng trong khung phân tích khoa học đủ sức thuyết phục độc giả nghiêm túc. Nó mở ra những thảo luận mới về vai trò của cơ hội, fantasme và quyền lực trong lịch sử Việt Nam, đồng thời nhắc nhở rằng những “hàm sóng” của lịch sử—những khả năng chưa được “đo”—vẫn tiếp tục vương vী vào hiện tại và tương lai.

Nguyễn Quốc Bảo
Septembre 2025

